

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 002

Trang 1/3

Mã nhận dạng 04334

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiên cứu thị trường-208430

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút

Phòng thi PV227

Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 20%	Đ 2 (%)	Điểm thi 80%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13122075	NGÔ HOÀNG PHƯƠNG LINH	DH13QT	<i>Phu</i>	1	8,5		7	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	13155150	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	DH13KN	<i>Phu</i>	1	8,5		5,5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	DH12QT	<i>Phu</i>	1	8,5		5,5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13122079	TRẦN GIA LINH	DH13TM	<i>linh</i>	1	9		6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13155152	LÊ PHƯỚC LỢI	DH13KN	<i>Loi</i>	1	8		6	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13122324	BÙI THÀNH LUÂN	DH13TM	<i>Lu</i>	1	8		5,5	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13122085	ĐÀO THỊ TRÚC LY	DH13TM	<i>Truc</i>	1	8,5		7	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13122327	PHAN THỊ LY LY	DH13QT	<i>Ly</i>	1	9		6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12155058	ĐÌNH THỊ NGỌC MAI	DH12KN	<i>Ngoc</i>	1	8,5		8	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12155042	THÂN THANH MAI	DH12KN	<i>Mac</i>	1	9		9	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13122092	VÕ LÊ NHẬT MINH	DH13QT	<i>Minh</i>	1	8		6	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12122177	TRẦN VĂN MONG	DH12TM	<i>Tran</i>	1	8		8,5	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13155166	NGUYỄN THỊ DIỆM MY	DH13KN	<i>Thiem</i>	1	8,5		5	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13122098	NGUYỄN THỊ LỆ MỸ	DH13TM	<i>My</i>	1	8,5		7	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12122036	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	DH12QT	<i>Kim</i>	1	8		7	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12122333	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH12QT	<i>Ngoc</i>	1	8		5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13155182	NGUYỄN THANH NHÂN	DH13KN	<i>An</i>	1	8,5		8	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Ms
LENA

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiên cứu thị trường-208430

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV227 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	10122206	BÙI ANH CHÍ NHÂN	DH10QT	<i>nam</i>	1	8,5	20%	6,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12122190	LUẬN THÀNH NHÂN	DH12QT	<i>lu</i>	1	8,5		9,5	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13155189	LÊ THỊ NHI	DH13KN	<i>thinh</i>	1	8,5		7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13122115	ĐẶNG THỊ KIM NHUNG	DH13QT	<i>kim</i>	1	8		6,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12155154	NGUYỄN KIM NHUNG	DH12KN	<i>kim</i>	1	8,5		6,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY NHY	DH12QT	<i>thuy</i>	1	9		9,5	9,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU NI	DH12QT	<i>tr</i>	1	8,5		8	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13155200	NGUYỄN THỊ MỸ NƯƠNG	DH13KN	<i>nuor</i>	1	8,5		5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12122040	NGUYỄN TẤN PHÚ	DH12QT	<i>tan</i>	1	8,5		8,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13155218	LÊ THỊ TRÚC PHƯƠNG	DH13KN	<i>truc</i>	1	8,5		8	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13121120	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	DH13PT	<i>hoai</i>	1	9		9	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12122208	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	DH12TM	<i>phuong</i>	1	8,5		8,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Khánh Linh

Bp

Mo
ENH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiên cứu thị trường-208430

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút

Phòng thi PV219

Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 80%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13155054	ĐÀO NGUYỄN ANH	DH13KN	<i>[Signature]</i>		8		7,5	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12122096	ĐỖ HOÀI ANH	DH12TM	<i>[Signature]</i>		8		7	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13122002	HOÀNG ANH	DH13QT	<i>[Signature]</i>		7,5		4	4,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12155080	NGÔ NGỌC TRÂM ANH	DH12KN	<i>[Signature]</i>		9		6,5	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12122098	TRẦN THỊ KIM ANH	DH12QT	<i>[Signature]</i>		9		8	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12122099	VŨ CAO TUẤN ANH	DH12TM	<i>[Signature]</i>		8		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG BẢO	DH12QT	<i>[Signature]</i>		7		4	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12155009	DƯƠNG THỊ NGỌC CHÂU	DH12KN	<i>[Signature]</i>		9		5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12122295	LÊ THỊ QUÍ CHUNG	DH12QT	<i>[Signature]</i>		9		8	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	13122019	VŨ HOÀNG NGỌC DIỄM	DH13QT	<i>[Signature]</i>		8		7,5	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13155079	HOÀNG NAM DƯƠNG	DH13KN	<i>[Signature]</i>		8		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12122323	TRIỆU THỊ GIANG	DH12QT	<i>[Signature]</i>		8		6,6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12122127	HOÀNG THỊ NGỌC HÀ	DH12TM	<i>[Signature]</i>		8		7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12122016	TRỊNH THẾ HIỀN	DH12QT	<i>[Signature]</i>		9		6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12122020	PHÙNG THỊ TUYẾT HOA	DH12QT	<i>[Signature]</i>		8,5		7,5	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12155095	LƯU MINH HOÀNG	DH12KN	<i>[Signature]</i>		8,5		4,1	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12122022	LÊ THANH HUY	DH12QT	<i>[Signature]</i>		8,5		8	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

[Handwritten signature]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiên cứu thị trường-208430

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV219 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 80%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13122060	ĐỖ NGUYỄN NHƯ	HUYỀN	DH13QT	<i>Huỳnh</i>	7		6	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	13122061	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	DH13QT	<i>Nguyễn</i>	8		6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13155122	NGUYỄN THỊ THÚY	HUỖNH	DH13KN	<i>Thuy</i>	9		8	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13122304	NGUYỄN THU	HUÔNG	DH13QT	<i>Huông</i>	9		7	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12122155	NGUYỄN THỊ THỦY	KHUYỀN	DH12QT	<i>Thủy</i>	8		7	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13155139	LÊ THỊ	KIỀU	DH13KN	<i>Thị</i>	8,5		8	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12122156	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	DH12QT	<i>Thu</i>	8,5		8,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12122159	NGUYỄN VĂN THỦY	LÂM	DH12QT	<i>Thủy</i>	8,5		8	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chị Nguyễn Thị Mỹ

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thu

Nguyễn Văn Thủy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 003

Trang 1/3

Mã nhận dạng 04335

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiên cứu thị trường-208430

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV315

Nhóm : 02

Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 8,0%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13155221	PHẠM THỊ MỸ PHƯỢNG	DH13KN	<i>My Phuong</i>	1	8,5		8,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12122049	NGUYỄN VĂN SÁU	DH12QT	<i>Sau</i>	1	9		6,5	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12155150	BÙI HỮU TÀI	DH12KN	<i>Huu Tai</i>	1	8		6	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13122143	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	DH13QT	<i>Thanh Tam</i>	1	—		—	—	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13155029	NGUYỄN MINH TÂN	DH13KN	<i>Tan</i>	1	8,5		7	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12122310	LÊ THỊ THẢO	DH12QT	<i>Thao</i>	1	8,5		7,5	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13122160	VÕ ĐỨC THI	DH13QT	<i>Thi</i>	1	7,5		6	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13122391	NGUYỄN THIÊN THIÊN	DH13TM	<i>Thien Thien</i>	1	8,5		5,5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12155136	NGUYỄN LÊ MINH THỦY	DH12KN	<i>Thuy</i>	1	9		6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12122233	PHẠM THỊ BÍCH THỦY	DH12QT	<i>Bich Thuy</i>	1	9		8	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13122178	NGÔ THỊ PHỤNG TIÊN	DH13QT	<i>Phung Tien</i>	1	8		7,5	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13155036	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	DH13KN	<i>Thuy Trang</i>	1	8		8,5	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12155003	NGÔ VÕ HUYỀN TRÂM	DH12KN	<i>Huyen Tram</i>	1	9		6,5	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12155078	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂN	DH12KN	<i>Huyen Tran</i>	1	8		7	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13122195	THÓI CÔNG TRIỀU	DH13QT	<i>Thoi Cong</i>	1	7		4,5	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13122196	HỒ THỊ PHƯƠNG TRINH	DH13QT	<i>Phuoc</i>	1	9		7	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12155156	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	DH12KN	<i>Ngoc Trinh</i>	1	8,5		6	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

MS
GNA.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiên cứu thị trường-208430

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV315 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 26%	Đ 2 (%)	Điểm thi 81%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13155286	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	DH13KN		1	8		7,5	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	12122260	NGUYỄN THỊ SƠN TRÚC	DH12QT		1	8,5		6,6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12155090	PHẠM MINH TUẤN	DH12KN		1	8		5,5	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12122264	NGUYỄN THỊ VÂN	DH12QT		1	8,5		8	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13155305	TRƯƠNG THỊ VÊN	DH13KN		1	9		8	9,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13155319	TRƯƠNG ĐÌNH NHƯ Ý	DH13KN		1	8,5		3	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12122277	PHẠM VĂN YÊN	DH12QT		1	9		9	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12155061	ĐỖ THỊ PHI YẾN	DH12KN		1	8,5		5,5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	13155317	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	DH13KN		1	9		6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Hồng Minh

M